

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2018

V/v: Tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hải

2. Ông Trần Huy Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Danh Nguyễn Thúy Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 3 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Giang Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về “tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị M (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 01, xã VT, huyện VT, tỉnh HG

2. Bị đơn: Anh T (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, xã PM, huyện GT, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày ngày 05/01/2018 nguyên đơn chị M trình bày: Chị M với anh T trước đây có quen biết, tìm hiểu và tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015 đã thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn ngày 28/12/2015 tại UBND xã VT, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng tương đối hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân xuất phát từ việc anh T không quan tâm chăm lo cho kinh tế gia đình, có quan hệ không bình thường với người phụ nữ khác. Đồng thời, giữa chị và gia đình chồng cũng có xảy ra xung đột, xích mích nên từ tháng 07/2017 đến nay chị và anh T không còn sống chung với nhau. Đến Tòa, chị kiên quyết xin ly hôn với anh T

Về con chung: Chị với anh T chung sống có một đứa con chung là cháu N, sinh ngày 14/6/2016, giới tính: nữ. Tại Tòa, Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị M khai rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T trình bày: Anh với chị M chung sống có đăng ký kết hôn và trong đời sống vợ chồng thời gian qua đã phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hàn gắn, hòa giải. Nay bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên trước yêu cầu xin ly hôn của chị M, anh hoàn toàn thống nhất việc Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh T tranh chấp với chị M về quyền nuôi con chung do cháu N hiện đang do anh và gia đình anh đang trực tiếp nuôi dưỡng nên có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Nếu được Tòa án chấp nhận, anh tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng chi phí nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thừa nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT phát biểu :

Về Tổ tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục.

Về nội dung: Do chị M và anh T trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và trước yêu cầu xin ly hôn của chị M, anh T cũng hoàn toàn thống nhất việc Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn với nhau nên đề nghị HĐXX xem xét công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị. Về con chung, do cháu N hiện dưới 36 tháng tuổi, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị M đã chứng minh được khả năng nuôi con như điều kiện về thu nhập, việc làm, nơi trông giữ cháu khi chị đi làm cũng như vấn đề giới tính của con chung. Mặt khác anh T cũng không chứng minh được các lý do cho thấy chị M không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung nên đề nghị HĐXX xem xét giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con. Về tài sản và nợ chung, đề nghị ghi nhận ý kiến của chị M, anh T là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí sơ thẩm, đề nghị HĐXX áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để làm căn cứ tuyên xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, chị M khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp quyền nuôi dưỡng con chung với anh T, nơi cư trú: ấp TP, xã PM, huyện GT. Căn cứ khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2015 tại UBND xã VT, huyện VT, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị M và anh T không có hạnh phúc mà nguyên nhân xuất phát từ việc một trong các bên chưa thực hiện tốt việc quan tâm, chăm lo, vun đắp đời sống kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, tranh cãi kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M cung cấp cho Tòa án những hình ảnh chứng minh anh T có quan hệ không bình thường với người phụ nữ khác. Mặc dù, anh T không thừa nhận nhưng HĐXX thấy đây cũng là nguyên nhân làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hòa giải đoàn tụ được. Mặt khác, bản thân anh T cũng cho rằng mục đích hôn nhân của vợ chồng anh chị không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên trước yêu cầu xin ly hôn của chị M, anh cũng đồng ý ly hôn. Theo quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M với anh T.

[3] Về con chung: Do chị M với anh T không thỏa thuận được việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N, sinh ngày 14/6/2016 khi ly hôn nên HĐXX thấy rằng:

Tại khoản 3, Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ban hành văn bản yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 06/4/2018 yêu cầu anh T cung cấp những chứng cứ chứng minh chị M không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung và những chứng cứ chứng minh về điều kiện của anh T để có thể trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn nhưng đến khi mở phiên tòa anh T chỉ cung cấp được những chứng cứ thể hiện việc anh đã trực tiếp đóng viện phí điều trị bệnh cho cháu N trong thời gian cháu N sống cùng gia đình anh còn lại những chứng cứ thể hiện việc chị M không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì anh không cung cấp được. Anh T cho rằng anh là tài xế lái xe tải làm việc tại KL sáng đi làm chiều về nghỉ thu nhập mỗi tháng 10 triệu đồng nhưng anh không cung cấp được hóa đơn, chứng từ hay hợp đồng lao động nào thể hiện nguồn thu nhập trên.

Đối với chị M, tại Tòa chị cung cấp được hợp đồng lao động thể hiện chị có thu nhập trên 5 triệu đồng mỗi tháng và chị khai rằng nhà xưởng sản xuất nơi chị

làm việc có chỗ giữ trẻ cho công nhân nên tự nhận thấy có đủ điều kiện để được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; sau khi xem xét các điều kiện về độ tuổi, giới tính của con chung cũng như các điều kiện về việc làm, chỗ ở, phẩm chất đạo đức của người có khả năng nuôi con và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cùng cấp. Hội đồng xét xử thấy có cơ sở để giao con chung là cháu N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của các đương sự là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M với anh T.

2. Về con chung: Giao cháu N, sinh ngày 14/6/2016, giới tính nữ cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T tài cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được đảm bảo theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của các đương sự là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị M đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004624 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành. Như vậy chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- CC THA DS huyện GT;
- UBND xã VT, huyện VT, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Hồng Phong